

Bản án số: 296/2022/DS-PT

Ngày: 06/6/2022

V/v: Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Ông Lê Ngọc Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30/5/2022 và 06/06/2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLPT-DS ngày 10/02/2022, về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1265/2022/QĐPT-DS ngày 06/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5385/QĐ-PT ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thành C, sinh năm 1957

Địa chỉ: 165/18 đường 28, Phường S, Quận G, TP. H.

2. *Bị đơn:* 2.1. Ông Trần Thành M, sinh năm 1953

2.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1959

2.3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) đường TTT, Phường L, Quận B, TP. H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Quang M, sinh năm 1968

Địa chỉ: 132 Ấp 1, xã PVT, huyện C, tỉnh L.

3.2. Ông Trần Thành N, sinh năm 1955

Địa chỉ: 58/7/6/1 Đường TTT, Phường 18, Quận B, TP. H.

4. *Viện Kiểm Sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, TP. H.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Căn nhà, đất tọa lạc tại số 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, TP. H. là tài sản thuộc quyền sở hữu của cha mẹ của ông là ông Trần Văn N và bà Châu Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2559/SXD do Sở xây dựng thành phố H cấp ngày 07/10/2003.

Ông N chết năm 1996, bà C chết năm 2017 đều không có để lại di chúc. Cha mẹ của Ông N, bà C đã chết trước Ông N, bà C.

Ông N, bà C có 06 người con chung gồm: Bà Trần Thị T, sinh năm 1949, chết năm 2013. Chồng bà T là ai, gia đình không rõ. Bà T chỉ có 01 người con tên là Trần Quang M, sinh năm 1968. Trong giấy khai sinh không có ghi tên cha; Trần Thành M, sinh năm 1953; Trần Thành N, sinh năm 1955; Trần Thành C, sinh năm 1957; Trần Thị D, sinh năm 1959; Trần Thị H, sinh năm 1960. Ngoài những người con nêu trên thì Ông N, bà C không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Ông và các đồng thừa kế khác đã nhiều lần yêu cầu chia thừa kế nhưng các đương sự M, D, H không đồng ý.

Vì vậy, ông yêu cầu: chia thừa kế căn nhà, đất tọa lạc tại số 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, thành phố H theo pháp luật. Cụ thể là chia theo giá trị của bất động sản làm 06 phần cho 06 người con của Ông N, bà C.

Trị giá của bất động sản kê trên đã được định giá là 17.586.359.000 đồng.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm – đồng bị đơn ông Trần Thành M trình bày: ông đồng ý với nội dung trình bày về phần nhân thân của ông C nhưng không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vì các anh, em trong gia đình đã bàn bạc, tự thỏa thuận với nhau chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần ông đã được mẹ chia cho phần đất khoảng 16m², ông đã xin phép cất nhà và ở từ năm 1986. Vì vậy, nếu phải chia thì ông yêu cầu chia cho ông 20% diện tích đất.

- *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm - đồng bị đơn - bà Trần Thị D trình bày:* bà đồng ý với nội dung trình bày về phần nhân thân của nguyên đơn nhưng không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vì nguyên đơn không có đóng góp và cũng không có hiệu thảo với cha mẹ. Bà yêu cầu chia cho bà 20% diện tích đất ở tính theo sự đóng góp và công sức nhiều năm phụng dưỡng khi ở cùng và chăm sóc mẹ và chị của bà từ lúc mang bệnh cho đến khi mất. Bà cũng là người đứng ra đóng thuế nhà đất từ

trước đến nay. Bà cũng xin được hưởng thêm 10% diện tích đất ở, phần này dành cho cha mẹ bà đã mất, đây được xem là phần hương hỏa thờ phụng cho cha mẹ và chị của bà. Tổng cộng nguyện vọng của bà là được chia 30% diện tích đất ở.

- *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm - đồng bị đơn - bà Trần Thị H trình bày:* bà đồng ý với nội dung trình bày về phần nhân thân của nguyên đơn nhưng không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vì nguyên đơn không có đóng góp và cũng không có hiếu thảo với cha mẹ. Bà yêu cầu chia cho bà 20% diện tích đất ở vì công sức đóng góp, phụng dưỡng, chăm sóc mẹ và chị của bà.

- *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Thành N trình bày:* ông đồng ý với nội dung trình bày về phần nhân thân và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

- *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Quang M trình bày:* ông đồng ý với nội dung trình bày về phần nhân thân và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật như yêu cầu của ông Công.

Tại bản án số 84/2021/DS-ST ngày 29/12/2021, Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là bất động sản tọa lạc tại số: 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, Tp H là di sản của ông Trần Văn N và bà Châu Thị C để lại theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2559/SXD do Sở xây dựng TP H cấp ngày 07/10/2003. Bất động sản có diện tích 155,9m², loại đất ở đô thị, diện tích sử dụng là 154,81m².

Xác định những người thừa kế được hưởng giá trị di sản là căn nhà, đất kể trên, gồm: Trần Thành M, sinh năm 1953; Trần Thành N, sinh năm 1955; Trần Thành C, sinh năm 1957; Trần Thị D, sinh năm 1959; Trần Thị H, sinh năm 1960; Trần Quang M, sinh năm 1968 (con của Trần Thị T, sinh năm 1949, chết năm 2013)

Cụ thể, di sản được phân chia như sau:

- Trần Thành M được chia: $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 đồng + $\frac{3}{10}$ giá trị 01 phần di sản là: $(2.512.337.026 \text{ đồng} : 10) \times 3 = 3.266.038.134$ (Ba tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng.

- Trần Thị D được chia: $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 đồng + $\frac{4}{10}$ giá trị 01 phần di sản là: $(2.512.337.026 \text{ đồng} : 10) \times 4 = 3.517.271.836$ 133 (Ba tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng.

- Trần Thị H được chia: $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 đồng + $\frac{3}{10}$ giá trị 01 phần di sản là: $(2.512.337.026 \text{ đồng} : 10) \times 3 = 3.266.038.134$ (Ba tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng.

- Trần Thành N được chia $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 (Hai tỷ năm trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

- Trần Thành C được chia: $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 (Hai tỷ năm trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

- Trần Quang M được chia: $\frac{1}{7}$ giá trị di sản là: 2.512.337.026 (Hai tỷ năm trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 84/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận B - Thành phố H theo Quyết định số 06/ QĐ-VKS-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận nhà đất tọa lạc tại 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, thành phố H được bán để chia. Các ông (bà) M, D, H là những người đang ở trong căn nhà trên cũng đồng ý giao nhà để tự bán hoặc giao nhà cho thi hành án bán nhà đất trên để chia cho các đồng thừa kế. Sau khi trừ đi các chi phí bán nhà đất theo quy định, số tiền còn lại được chia cho các đồng thừa kế là các ông (bà) Trần Thành N, Trần Thành C, Trần Quang M mỗi người được hưởng kỷ phần là $\frac{1}{7}$ giá trị nhà đất; Ông Trần Thành M được hưởng là $\frac{1}{7}$ giá trị nhà đất và $\frac{3}{10}$ giá trị 01 phần nhà đất; Bà Trần Thị D $\frac{1}{7}$ giá trị nhà đất và $\frac{4}{10}$ giá trị 01 phần nhà đất; Bà Trần Thị H được hưởng là $\frac{1}{7}$ giá trị nhà đất và $\frac{3}{10}$ giá trị 01 phần nhà đất tại thời điểm bán nhà hoặc tại thời điểm thi hành án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Do kháng nghị về tố tụng không còn cần thiết nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B về tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có sự thống nhất ý kiến di sản của ông Trần Văn N và bà Châu Thị C được bán để chia hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án bán nhà để chia. Các ông (bà) M, D, H là những người đang ở trong căn nhà trên cũng đồng ý giao nhà để tự bán hoặc yêu cầu thi hành án phát mãi nhà đất trên để chia cho các anh chị em tỉ lệ theo bản án sơ thẩm tại thời điểm bán nhà hoặc tại thời điểm thi hành án phát mãi căn nhà. Sự thỏa thuận của các đương sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B cùng nội dung các đương sự thỏa thuận về việc giao di sản thừa kế cho cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nên đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 300 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm vào ngày 29/12/2021. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS ngày 12/01/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, kháng nghị trong thời hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về nội dung :

Xét, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B về tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên chấp nhận.

Xét, tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thỏa thuận nhà đất tọa lạc tại 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, thành phố H được bán để chia. Các ông (bà) M, D, H là những người đang ở trong căn nhà trên cũng đồng ý giao nhà để tự bán hoặc giao nhà cho thi hành án bán nhà đất trên để chia cho các đồng thừa kế. Sau khi trừ đi các chi phí bán nhà đất theo quy định, số tiền còn lại được chia cho các đồng thừa kế là các ông (bà) Trần Thành N, Trần Thành C, Trần Quang M mỗi người được hưởng kỷ phần là 1/7 giá trị nhà đất. Ông Trần Thành M được hưởng là 1/7 giá trị nhà đất và 3/10 giá trị 01 phần nhà đất. Bà Trần Thị D 1/7 giá trị nhà đất và 4/10 giá trị 01 phần nhà đất. Bà Trần Thị H được hưởng là 1/7 giá trị nhà đất và 3/10 giá trị 01 phần nhà đất tại thời điểm bán nhà hoặc tại thời điểm thi hành án. Sự thỏa thuận của đương sự các đương sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B về việc giao di sản thừa kế cho cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi và buộc những người đang ở trong nhà có trách nhiệm giao nhà để đảm bảo thi hành án là có căn cứ và cùng nội dung các đương sự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm Sát nhân dân Quận B. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H.

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự vẫn phải chịu án phí, chi phí tố tụng như bản án sơ thẩm.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không kháng cáo nên không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 3 Điều 298; khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật thi hành án Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B, thành phố H. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận B như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Xác định nhà đất tọa lạc tại 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, thành phố H là di sản của ông Trần Văn N và bà Châu Thị C để lại theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2559/SXD do Sở xây dựng thành phố H cấp ngày 07/10/2003. Bất động sản có diện tích 155,9m², loại đất ở đô thị, diện tích sử dụng là 154,81m².

- Xác định các đồng thừa kế của ông Trần Văn N và bà Châu Thị C là các ông (bà) Trần Thành M; Trần Thành N; Trần Thành C; Trần Thị D; Trần Thị H; Trần Quang M.

- Nhà đất tọa lạc tại 92B17/10 Ter (số mới 92B17/18) Đường TTT, Phường 15, Quận B, thành phố H được bán để chia (các đồng thừa kế có thể thỏa thuận tự bán nhà hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán nhà). Khi các đương sự yêu cầu cơ quan thi hành án bán nhà đất thì buộc các ông (bà) Trần Thành M, Trần Thị D, Trần Thị H và những người đang cư trú trong nhà đất trên, giao nhà cho Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền bán nhà đất để chia thừa kế. Sau khi trừ đi các chi phí bán nhà đất theo quy định, số tiền còn lại được chia cho các đồng thừa kế là các ông (bà) Trần Thành N, Trần Thành C, Trần Quang M mỗi người được hưởng kỷ phần là 1/7 giá trị nhà đất; Ông Trần Thành M được hưởng là 1/7 giá trị nhà đất và 3/10 giá trị 01 phần nhà đất; Bà Trần Thị D 1/7 giá trị nhà đất và 4/10 giá trị 01 phần nhà đất; Bà Trần Thị H được hưởng là 1/7 giá trị nhà đất và 3/10 giá trị 01 phần nhà đất tại thời điểm bán nhà hoặc tại thời điểm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quang M phải nộp án phí là 82.246.741 (Tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một) đồng. Các ông (bà) Trần Thành M, Trần Thành N, Trần Thành C, Trần Thị D, Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Về chi phí lập bản vẽ, thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 7.500.000 đồng, do ông Trần Thành C đã nộp theo biên lai thu ngày 04/11/2020.

Các ông bà Trần Thành M, Trần Thành N, Trần Thị D, Trần Thị H, Trần Quang M mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông C là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận B;
- TAND Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương